TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HS-PT
Ngày 14 tháng 4 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải và ông Trương Văn Hai.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Năng –Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 63/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo Hồ Thành C, Nguyễn Ngàn T, Nguyễn Thành N và Lê Thành T1, do có kháng cáo của các bị cáo C, T, N và T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Hồ Thành C**, sinh năm 1999, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: số G, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; con ông Hồ Thành D, sinh năm 1978 và Ngô Thị Bích L, sinh năm 1981; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ, (có mặt).

2. **Nguyễn Ngàn T**, sinh năm 1990, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; con ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1968 và Lâm Thị P, sinh năm 1972; có vợ là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1991; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Về nhân thân: Ngày 19/01/2011, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt vào 03/9/2013, đã được xóa án tích; chưa có tiền án, tiền sự;

Bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ, (có mặt).

3. **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1989, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; con ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1965 và Ngô Thị T3, sinh năm 1962; có vợ là Lư Thị Mỹ H, sinh năm 1990; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ, (có mặt).

4. **Lê Thành T1**, sinh năm 1996, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn 12/12; con ông Lê Văn B, sinh năm 1948 và Võ Thị P1, sinh năm 1960; có vợ là Nguyễn Thị Minh P2, sinh năm 1996; có 01 người con sinh năm 2021; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Võ Văn M, là Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngàn T,

Địa chỉ Văn phòng: Số A, đường T, tổ 01, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú: Số B, đường H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. Ông Đỗ Khoa K, sinh năm 1982, là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A, bào chữa cho bị cáo Lê Thành T1.

Địa chỉ Trụ sở: Số H, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn A1;

Địa chỉ Trụ sở: Khu công nghiệp B, ấp P, xã B, huyện C, An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn A1: Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Số A, N, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn H1 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không có liên quan đến kháng cáo của các bị cáo khác, nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3 năm 2022, Hồ Thành C, Nguyễn Ngàn T, Nguyễn Thành N và Lê Thành T1 cùng uống bia tại nhà của Nguyễn Thị Mỹ T4 (tất cả

đều là công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn A1 thuộc ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang). Trong lúc uống bia, biết C làm ở bộ phận chạy hàng ưu tiên, được đi tất cả các xưởng của Công ty (trừ kho giày của Công ty), nên N và T1 có hỏi xin C từ 01 đến 02 đôi giày và C đồng ý. Khi đó T nói có quen biết với Nguyễn Văn H1 (M1) là lái xe chở bao bì giấy cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B1 thường xuyên đến giao hàng tại Công ty A1, khi nào C lấy được giày thì cho T hay để T kêu Hội mang giày ra khỏi Công ty mà không bị phát hiện.

Khoảng 06 giờ 15 phút ngày 14/3/2022, H1 cùng T và T1 ngồi uống nước giải khát gần cổng khu công nghiệp B thì T và T1 nói cho H1 biết C sẽ lấy trộm giày của Công ty A1 nhờ Hội cất giấu trong xe ô tô tải vận chuyển số giày trộm được ra khỏi Công ty và hứa sẽ trả tiền công cho H1, Hội đồng ý nên T1 điện thoại cho N để Như kêu C lấy trộm giày gửi cho Hội. Sau đó, Như đến quán nước giải khát gặp T1, T và H1, N nói C sẽ lấy trộm giày của Công ty mang đến cho Như.

Khoảng 07 giờ cùng ngày, H1 điều khiển xe ô tô tải biển số 50LD - 022.65 đến kho giấy "Xưởng B" của Công ty A1 để công nhân đem bao bì vào kho. Khoảng 08 giờ, C kêu Huỳnh Hữu H2 (là công nhân làm cùng bộ phận chạy hàng ưu tiên với C) đi xuống kho giày lẻ của Công ty A1 để cùng C gặp Dương Thị Thúy A (là nhân viên hỗ trợ sản xuất) vào kho lấy 06 đôi giày nhãn hiệu New Balance, lúc này A lấy thêm 01 đôi giày để mang đến chuyền 21 "Xưởng C" dùng làm giày mẫu cho công nhân xem, khi ra khỏi kho giày lẻ A ký nhận 07 đôi giày.

Sau đó, C và H2 mang 06 đôi giày gồm: 02 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu trắng, mã số U574TE2, size US 7 - 2prs; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu đen, mã số ML574OMD, size US 7.5 - 1pr; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu xanh, mã số ML574HW2, size US 9.5 - 1pr; 01 đôi giày nữ hiệu New Balance (NB), màu hồng, mã số WL574SP2, size US 6.5 - 1pr; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu xanh, mã số ML574PU2, size US 6 - 1pr đến bàn làm việc của Như và T1 thì Nguyễn Văn N2 (là công nhân làm chung khu với N và T1) thấy nên điện thoại cho T1 biết. Lúc này, N về đến bàn làm việc thấy trên bàn có 06 đôi giày. Sau đó, T điện thoại kêu C và H2 mang 06 đôi giày đến kho giấy "Xưởng B". Tại đây, C và H2 cất giấu 06 đôi giày vào 01 thùng giấy cacton rồi T kêu H2 mang thùng giấy cacton đến xe ô tô tải của Hội để T cất giấu vào cacbin của xe ô tô tải của Hội. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, H1 điều khiển ô tô xe tải ra đến cổng Công ty A1 thì Đoàn Anh K1 (là nhân viên bảo vệ) kiểm tra xe, phát hiện 06 đôi giày nên trình báo Công an xã B sự việc.

* Vật chứng thu giữ:

- 02 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu trắng, mã số U574TE2, size US 7 - 2prs; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu đen, mã số ML574OMD, size US 7.5 - 1pr; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu xanh, mã số ML574HW2, size US 9.5 - 1pr; 01 đôi giày nữ hiệu New Balance (NB), màu hồng, mã số WL574SP2, size US 6.5 - 1pr; 01 đôi giày nam hiệu

New Balance (NB), màu xanh, mã số ML574PU2, size US 6 - 1pr. Đã trao trả cho Nguyễn Thị Kim O là người đại diện của Công ty A1;

+ 01 xe ô tô tải biển số: 50LD - 022.65, nhãn hiệu: ISUZU, loại xe: Tải thùng kín, màu sơn: Trắng, số máy: 4HK1096865, số khung: RLEN1R75LD 7101936, số loại: NQR75L CAB, trọng tải: 4900 kg và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 103506 cấp ngày 14/5/2013, tên chủ xe Công ty TNHH B1 (đã qua sử dụng). Đã trao trả cho Nguyễn Văn V là người đại diện của Công ty TNHH B1.

- 01 USB nhãn hiệu ming ling, màu vàng, 02 mặt bên của USB có chữ viết Samho, màu xanh.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen, bên trong có 01 sim mạng Vinaphone, có số thuê bao 0943876619 (đã qua sử dụng);

- 01 điện thoại di động Redmi Note 8, màu xanh, kiểu máy: Redmi Note 8, số sêri: 1173ff9d; IMEI (khe S): 864927040135401; IMEI (khe S): 864927041045401, bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0357737350 (đã qua sử dụng).

- 01 điện thoại di động hiệu S1 J7 Pro, màu xanh, số kiểu máy: SM-J730G; số sêri: R58J81L9FFD; IMEI (khe 1): 356446086327736; IMEI (khe 2): 356447086327734, bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0344474703 và 01 sim mạng iTel có số thuê bao 0879642190 (đã qua sử dụng).

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A55, màu xanh; kiểu máy: CPH2325, só sêri: FMNV4LBAUCMF85RS; IMEI 1: 866787050627830; IMEI 2: 866787050627822, bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0338738161 và 01 sim mạng iTel có số thuê bao 0879593558 (đã qua sử dụng).

Tại kết luận định giá số 23/KL.HĐ ngày 08/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang đã kết luận:

- 02 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu trắng, mã số U574TE2, size US 7 - 2prs, chưa qua sử dụng, có giá trị là: 02 đôi x 1.912.500 đồng x 100% = 3.825.000 đồng;

- 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu đen, mã số ML574OMD, size US 7.5 - 1pr, chưa qua sử dụng, có giá trị là: 01 đôi x 2.452.500 đồng x 100% = 2.452.500 đồng;

- 01 đôi giày nam hiệu N (NB), màu xanh, mã số ML574HW2, size US 9.5 - 1pr, chưa qua sử dụng, có giá trị là: 01 đôi x 1.800.000 đồng x 100% = 1.800.000 đồng;

- 01 đôi giày nữ hiệu New Balance (NB), màu hồng, mã số WL574SP2, size US 6.5 - 1pr, chưa qua sử dụng, có giá trị là: 01 đôi x 1.800.000 đồng x 100% = 1.800.000 đồng;

- 01 đôi giày nam hiệu N (NB), màu xanh, mã số ML574PU2, size US 6 - 1pr, chưa qua sử dụng, có giá trị là: 01 đôi x 1.800.000 đồng x 100% = 1.800.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản định giá là: 11.677.500 đồng (mười một triệu, sáu trăm bảy mươi bảy bảy nghìn, năm trăm đồng).

Bản cáo trạng số 46/CT-VKSCT-HS ngày 30/11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Hồ Thành C, Nguyễn Ngàn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thành N và Lê Thành T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Hồ Thành C, Nguyễn Ngàn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thành N và Lê Thành T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173 điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hồ Thành C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Thành T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngàn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, bị cáo Nguyễn Thành N và bị cáo Lê Thành T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023, bị cáo Nguyễn Ngàn T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, với các lý do: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có đất sản suất, cha mẹ đã lớn tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có 2 con còn nhỏ, vợ không nghề nghiệp ổn đình.

Ngày 27 tháng 01 năm 2023, bị cáo Hồ Thành C có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Với các lý do: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có đất sản suất, cha, mẹ đã lớn tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo N có nộp đơn xin xác nhận có nội dung bị cáo trình bày trong thời gian làm việc tại Công ty A1, bị cáo luôn chấp hành tốt nội quy công ty, đơn được người đại diện của Công ty A1 xác nhận bị cáo chỉ vi phạm lần đầu tại công ty; bị cáo T có nộp đơn đề nghị do người đại diện hợp pháp của Công ty A1 ký đề nghị xem xét giảm cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo T1 có Văn bản tường trình được được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác nhận, đơn có nội dung: Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo có sổ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi mẹ già bị tai nạn gãy chân, đang nuôi anh trai bị bệnh từ nhỏ, đang được hưởng trợ cấp xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo C, T, N và T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết. Bị cáo không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo có cơ sở xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Hồ Thành C, Nguyễn Ngàn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thành N, Lê Thành T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Vụ án có tính chất đồng phạm, trong đó bị cáo Hồ Thành C là người được đi đến tất cả các xưởng của Công ty, chỉ có bị cáo T mới trực tiếp lấy được các đôi giày của Công ty A1, nên cáo C là người có vai trò tích cực trong đồng phạm. Đối với bị cáo Nguyễn Ngàn T là có vai trò giúp sức tích cực, chính bị cáo là người giấu các đôi giày trong thùng cacton và giấu trong xe ô to tải do Hội lái, ngoài ra bị cáo T còn có nhân thân không tốt. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo C 06 tháng tù, xử phạt bị cáo T 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của các bị cáo đã thực hiện.

Mặc dù trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo T được người đại diện hợp pháp của người bị hại có văn bản xin giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng án treo, nhưng xét thấy bị cáo T có nhân thân không tốt, nên đề nghị hội đồng xét xử không giảm nhẹ hình phạt và không cho bị cáo hưởng án treo.

Các bị cáo C và T không có tình tiết giảm nhẹ nào khác, nên kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở xem xét.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thành N và Lê Thành T1 chỉ có vai trò thứ yếu trong đồng phạm, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định.

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát đề nghị:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành N và kháng cáo của bị cáo Lê Thành T1; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Thành C và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngàn T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hồ Thành C 06 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngàn T 09 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 06 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Thành T1 06 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo.

Luật sư Võ Văn M phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngàn T:

- Không tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo Nguyễn Ngàn T.

- Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ sau:

+ Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chấp hành đúng quy định về việc cấm đi khỏi nơi cư trú, chưa có tiền án, tiền sự; tài sản đã được thu hồi, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải cho bị báo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử phúc áp dụng điểm i, điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, cho bị cáo T được hưởng án treo.

Ông Đỗ Khoa K - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Lê Thành T1: Thống nhất theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Hồ Thành C, Nguyễn Ngàn T, Nguyễn Thành N và Lê Thành T1 được nộp

trong hạn luật định, có hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Đối với bị hại là Công ty A1 (do bà Nguyễn Thị Kim O là người đại diện hợp pháp) vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, bị hại không có kháng cáo, nội dung kháng cáo của các bị cáo không liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Do đó,Tòa án tiến hành xét xử đối với bị hại là Công ty A1.

[2]. Về nội dung, xét thấy:

[2.1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sơ kết luận: Các bị cáo Hồ Thành C, Nguyễn Ngàn T, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thành N và Lê Thành T1 đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo Hồ Thành C, Nguyễn Ngàn T, Nguyễn Thành N và Lê Thành T1, nhận thấy:

[3.1]. Vụ án có tính chất đồng phạm, các bị cáo vì lòng tham nên khi bị cáo T1 và N hỏi xin bị cáo C 01 đến 02 đôi giày, bị cáo C đồng ý và các bị cáo đã nảy sinh ý định cùng thực hiện hành vi trộm cắp các đôi giày của Công ty A1. Trong đó, bị cáo C là người có vai trò tích cực, vì bị cáo C là người được đi đến các xưởng trừ kho giày, các bị cáo không có bàn bạc trước sẽ lấy số lượng bao nhiêu đôi giày, nhưng chính bị cáo C là người quyết định và trực tiếp thực hiện hành vi trộm 06 giày của công ty A1.

[3.2]. Đối với bị cáo T là người liên hệ với bị cáo H1 để nhờ H1 dùng xe tải chở giày ra khỏi công ty, hứa cho tiền bị cáo H1 để tiêu xài. Sau khi bị cáo C lấy được 06 đôi giày, C có liên hệ với bị cáo T, chính T là người cất giấu 6 đôi giày vào canbin xe ô tô tải của bị cáo H1 để H1 chở ra khỏi Công ty, nên bị cáo T có vai trò giúp sức, tích cực cùng với bị cáo C trong vụ án.

[3.3]. Các bị cáo C và T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự như khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo.

Ngoài ra các bị cáo C còn có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với bị cáo T do có thân thân xấu, đã từng bị kết án, nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

[3.4]. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo C 06 tháng tù, xử phạt bị cáo T 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo. Đối với bị cáo T mặc dù trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo T được người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo, nhưng xét thấy bị cáo T có nhân thân không tốt, nên không chấp nhận cho hưởng án treo.

Các bị cáo C và T không có tình tiết giảm nhẹ nào khác, nên kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở xem xét.

[3.5]. Đối với bị cáo N và bị cáo T1 biết giày do C cho sẽ lấy cắp của công ty mà có, nhưng về ý thức thì ban đầu bị cáo N và bị cáo T1 chỉ xin bị cáo C từ 01 đến 02 đôi giày để sử dụng, không biết giá trị cụ thể của từng đôi giày là bao nhiêu, khi phát hiện bị cáo C lấy tổng cộng 06 đôi giày, các bị cáo này không có phản ứng gì mà bỏ đi làm công việc, nên bị cáo N và bị cáo T1 chỉ có vai trò thứ yếu trong đồng phạm.

[3.6]. Các bị cáo N và T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự như khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo T1 thuộc hộ nghèo có sổ, bị cáo N thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, có thu nhập thấp.

[3.7]. Các bị cáo N và T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Xét, nếu không bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự. Do đó, Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách bằng 02 lần mức hình phạt tù, được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[3.8]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Thành C và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngàn T; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành N và kháng cáo của bị cáo Lê Thành T1; sửa bản án sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

[4]. Đối với các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Hồ Thành C và Nguyễn Ngàn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định; các bị cáo Nguyễn Thành N và Lê Thành T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Thành C và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngàn T.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành N và kháng cáo của bị cáo Lê Thành T1.

3. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số số 06/2023/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

3.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tuyên bố bị cáo Hồ Thành C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Hồ Thành C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

3.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngàn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngàn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

3.3. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 06 (sáu) tháng tù. Cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm được tính từ ngày 14/4/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thành N cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Thành N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.4. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lê Thành T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Thành T1 06 (sáu) tháng tù. Cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm được tính từ ngày 14/4/2023.

Giao bị cáo Lê Thành T1 cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Lê Thành T1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Buộc các bị cáo Hồ Thành C và Nguyễn Ngàn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thành N và Lê Thành T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số số 06/2023/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh AG;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh AG (PV06);
- VKSND huyện C;
- TAND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Vĩnh Hanh và xã An Hòa, huyện C;
- Phòng KTNV & THAHS TAND tỉnh;
- Tòa Hình sự TAND tỉnh;
- Bị cáo có kháng cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng TAND tỉnh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Sơn